

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC
TẾ NHẬT VIỆT**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ NHẬT VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT VIET INTERNATIONAL TRADING
AND SERVICE IMPORT-EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109449379

3. Ngày thành lập: 10/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8 đường Hữu Lê, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
2.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
3.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
4.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
5.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6.	In ấn (Trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
7.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
8.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ các loại Nhà nước cấm)	1820
9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690(Chính)
15.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ thuốc lá ngoại)	4711
16.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
20.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
25.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4513
26.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	4541
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
29.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
30.	Bán buôn thực phẩm	4632
31.	Bán buôn đồ uống	4633
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
34.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ, - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ, - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ, - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ, - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ, - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng lưu động hoặc tại chợ, - Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ, - Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ.	4789
35.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791

36.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Đại lý du lịch	7911
41.	Điều hành tua du lịch	7912
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
43.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
44.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
49.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
50.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
51.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
52.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
53.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
54.	Quảng cáo	7310
55.	Vận tải hành khách đường sắt	4911

6. Vốn điều lệ: 1.860.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DOÃN THÁI BÌNH	Khu 2, Thị trấn Văn Giang, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.800	558.000.000	30,000	033086004876	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	55.800	558.000.000	30,000		
2	NGUYỄN THỊ QUỲNH	Thôn My Đông 2, Xã Hồng Phong, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	74.400	744.000.000	40,000	024185000794	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	74.400	744.000.000	40,000		

3	TRẦN MẠNH LINH	Số 621 Hồng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.800	558.000.000	30,000	001084026485
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	55.800	558.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MẠNH LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001084026485

Ngày cấp: 16/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 621 Hồng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 621 Hồng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội